

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12-9-2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 22-CTr/ĐU ngày 09 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 11-NQ/TU*), cụ thể như sau¹:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 11-NQ/TU thành các nhiệm vụ cụ thể; xác định rõ cơ quan chủ trì, phối hợp, thời gian thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa, hiện đại, bền vững, gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ; huy động hiệu quả các nguồn lực và phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

2. Yêu cầu

⁽¹⁾ Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 10793/SNNMT-TTBVCL ngày 09 tháng 9 năm 2026.

- Xác định việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU là nhiệm vụ trọng tâm; phân công rõ nhiệm vụ cho từng đơn vị, địa phương để tập trung triển khai thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hằng năm; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, xác định nhiệm vụ, giải pháp của năm tiếp theo; việc triển khai thực hiện phải được tiến hành đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên, liên tục của các ngành liên quan và chính quyền các cấp tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp phải dựa trên tiềm năng, lợi thế của từng vùng; liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, đồng thời gắn với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết phải bám sát vào các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước, nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền.

- Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Chỉ tiêu đến năm 2030

a.1) Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

a.2) Phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP và tương đương khoảng 4.000 ha; hình thành vùng trồng dược liệu tập trung khoảng 8.000 ha và trở thành tỉnh sản xuất dược liệu lớn của cả nước; có thêm 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; thu hút từ 01 - 02 doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp.

a.3) Duy trì ổn định diện tích lúa nước hiện có, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả; phấn đấu diện tích cà

phê xú lạnh đạt từ 7.000 ha trở lên; diện tích cây ăn quả đạt khoảng 16.000 - 18.000 ha, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

a.4) Phân đầu hình thành và được cấp thêm 30 mã số vùng trồng, 10 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu; thành lập mới khoảng 50 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã; công nhận 300 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 50 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao; có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định; có ít nhất 20 - 30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...).

a.5) Phân đầu 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có chứng nhận an toàn dịch bệnh, phát triển thêm 01 trang trại bò sữa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật. Hình thành thêm 02 cơ sở giết mổ tập trung ở phía Đông của tỉnh.

a.6) Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.530 ha, phát triển 2.500 ô lồng nuôi trên biển; sản lượng nuôi trồng đạt 17.547 tấn, sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm; hình thành thêm 02 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm và tuân thủ quy định của pháp luật.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Nông nghiệp tỉnh phát triển hiện đại, toàn diện theo hướng sinh thái, bảo vệ môi trường; 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đạt 30 - 35% giá trị sản phẩm nông nghiệp chung của tỉnh. Nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; nông dân có mức thu nhập cao.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

a) Tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nội dung phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; làm rõ vai trò trung tâm của người nông dân, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp và vai trò kiến tạo của Nhà nước.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, các Hội và các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng và duy trì các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội về nông nghiệp bền vững; thường xuyên giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, chuỗi liên kết thành công, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng chế biến và xuất khẩu, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy học tập, nhân rộng.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi và các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện.

c) Tổ chức, phát động các phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát huy vai trò nòng cốt của hệ thống khuyến nông thông qua xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả, gắn tập huấn, đào tạo với thực tiễn sản xuất; khuyến khích người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án phát triển vùng nguyên liệu bền vững, tuân thủ nghiêm các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi và các cơ quan thông tin đại chúng.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

a) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp về phát triển nông nghiệp bền vững, kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến và hội nhập thị trường; nâng cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

b) Thực hiện tốt công tác khảo sát, xây dựng, tích hợp quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh vào quy hoạch vùng và quy hoạch quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện hiệu quả chính sách tạo quỹ đất, giao đất, cho thuê đất, ưu đãi đầu tư; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với tiêu chuẩn hóa sản xuất và tự động hóa.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu.

c) Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là doanh nghiệp chế biến sâu, bảo quản, logistics nông sản.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan thực hiện.

d) Tăng cường liên kết và phát huy hiệu quả vai trò của “4 nhà”: Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Doanh nghiệp, bảo đảm hội tụ đầy đủ các yếu tố về cơ chế, chính sách, vốn, khoa học - công nghệ và thị trường để phát triển nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương, các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan thực hiện.

e) Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; tăng cường quản lý nhà nước về thú y, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm; bảo đảm chất lượng và tính bền vững của vùng nguyên liệu phục vụ chế biến. Xây dựng và duy trì, bảo đảm chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

3. Tái cơ cấu sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến

a) Rà soát, đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ và tập trung đất đai; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

b) Tiếp tục hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ổn định gắn công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; phát triển các “cánh đồng lớn” trong nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái tại những địa bàn có điều kiện thuận lợi. Ưu tiên phát triển các loại cây ăn quả chủ lực phục vụ chế biến và xuất khẩu như chuối, chanh dây, dưa, sầu riêng. Đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có địa hình chia cắt, ưu tiên phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy mô

vừa và nhỏ, khuyến khích phát triển mô hình sản xuất theo hộ gia đình, nhóm hộ có sự liên kết chặt chẽ với hợp tác xã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị ngành trồng trọt.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

c) Tập trung cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi theo hướng phát triển trang trại, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung gắn với cơ sở giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển các giống vật nuôi chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện từng địa phương.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

d) Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản, tăng chất lượng sản phẩm từ nuôi trồng; giảm số lượng tàu cá và ổn định sản lượng khai thác thủy sản để phục hồi nguồn lợi thủy sản; phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực, sản phẩm đặc hữu gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và thị trường tiêu thụ.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

đ) Tổ chức xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông hiệu quả trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, làm cơ sở thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh, ưu tiên hỗ trợ các Hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ dân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

e) Hình thành và phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản gắn với các khu, cụm công nghiệp; bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa vùng sản xuất nguyên liệu với cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp chủ trì tham mưu, thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản trong phạm vi Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp; Sở Công Thương chủ trì,

phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kết nối vùng nguyên liệu.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông nghiệp, thủy sản

a) Cụ thể hóa, triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp chế biến.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan tham mưu.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp và các hình thức hỗ trợ phù hợp.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 9 chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan; chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn triển khai các cơ chế, chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định, bảo đảm an toàn, hiệu quả trong hoạt động tín dụng; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm chủ trì, tham mưu triển khai nội dung tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo quy định

c) Tăng cường quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng nông sản; nâng cao năng lực dự báo, phân tích thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng và triển khai chiến lược xúc tiến thương mại nông sản theo chuỗi giá trị, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, chú trọng thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, kiểm soát chất lượng nông sản, phối hợp với Sở Công Thương trong thông tin, phân tích, dự báo và phát triển thị trường; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh chủ trì trong xúc tiến thương mại, quảng bá, kết nối tiêu thụ và mở rộng thị trường xuất khẩu; Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thương hiệu nông sản của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ trong hệ thống phân phối hiện đại và xuất khẩu.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

5. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

a) Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước gắn với việc huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa; đồng thời đẩy mạnh lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: UBND các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

b) Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, vùng nguyên liệu tập trung, khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh liên kết vùng, kết nối hạ tầng sản xuất - chế biến - tiêu thụ đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp để phát triển hệ thống thủy lợi.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

c) Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

d) Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các vùng trồng dược liệu tập trung đối với các loài dược liệu đặc hữu, có thể mạnh, giá trị cao và sức tiêu thụ lớn trên thị trường (như Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Lan Kim Tuyến, Quế Trà Bồng...).

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: UBND các xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

6. Đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

a) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đất đai, nguồn nước, khí hậu, dịch bệnh; phát triển bản đồ số nông nghiệp và các nền tảng kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; từng bước phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

b) Tăng cường xây dựng và triển khai các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học - công nghệ trong nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến sâu trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

c) Khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững; xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động ươm tạo, thử nghiệm, trình diễn và nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mở rộng mạng lưới hỗ trợ thông tin, dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện.

IV. CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước;
- Nguồn vốn tham gia của Doanh nghiệp, Hợp tác xã và người dân;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện có hiệu quả

Nghị quyết số 11-NQ/TU, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan chủ động đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan đơn vị có liên quan:

- Đối với các mục tiêu, chỉ tiêu lớn có yêu cầu cụ thể về kết quả đạt được, tổ chức rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện cụ thể từng chỉ tiêu, giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, địa phương, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành. Hoàn thành trước ngày 10 tháng 10 năm 2026.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này; tổ chức kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển nông nghiệp của các địa phương ngay từ cấp cơ sở. Định kỳ hằng quý (trước ngày 30 tháng cuối quý), 06 tháng (trước ngày 30 tháng 6), hằng năm (trước ngày 10 tháng 12) tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP. *Tạ Văn Lực*;
- Lưu: VT, NNMT.NLTA.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tâm Hiền

**PHỤ LỤC: CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA ĐI VÀO CHIỀU SÂU VÀ BỀN VỮNG,
GẮN VỚI CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM**



(Kèm theo Kế hoạch số 361/KH-UBND ngày 23/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Nghiên cứu, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Giai đoạn 2027-2030	
2	Xây dựng và ban hành Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Bắt đầu từ quý IV/2026	
3	Xây dựng Kế hoạch Cải tạo tầm vóc, phát triển đàn trâu, bò các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2027	Bắt đầu từ quý I/2027	
4	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về triển khai Kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên cặn, thủy sản đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm và từ đó kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Hằng năm	Thường xuyên	
5	Tham mưu xây dựng đề án phát triển cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2027	Giai đoạn 2027-2030	
6	Xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển chăn nuôi bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026 đến Quý I/2027	Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	
7	Xây dựng Đề án Khôi phục và phát triển cây cà phê xứ lạnh gắn với công nghiệp chế biến	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2027	Giai đoạn 2027-2030, định hướng	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	và thị trường tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, định hướng đến năm 2045				2045	
8	Xây dựng Đề án Phát triển cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2027	Giai đoạn 2027-2030, định hướng 2045	
9	Xây dựng Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026	Giai đoạn 2026-2030	
10	Thường xuyên giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, chuỗi liên kết thành công, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng chế biến và xuất khẩu, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy học tập, nhân rộng; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động; đẩy mạnh lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	Thường xuyên	
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đất đai, khí hậu, dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2026-2027	Giai đoạn 2026-2030	
12	Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dược liệu, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	Thường xuyên	
13	Xây dựng Đề án thí điểm và nhân rộng chuỗi liên kết Dâu - Tằm - Tơ Nghĩa Giang theo mô	UBND xã Nghĩa Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Liên	Năm 2030	Năm 2030, định hướng đến 2045	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	hình tổ chức sản xuất của Liên hiệp E&CVN và HTX Nông Lâm Nghiệp Chuyển Đổi Xanh Đình Cương, trên cơ sở mô hình 2 ha, 10 hộ tại thôn Mỹ Phước. Khoa Nông Lâm Ngư - Trường Đại học Nghệ An chủ trì học thuật, chuẩn hóa quy trình kỹ thuật và đánh giá hiệu quả. Kết quả đầu ra: 01 đề án, vùng nguyên liệu dự kiến 2-5 ha sau khi rà soát đủ điều kiện, ít nhất 01 tổ hợp tác hoặc hợp tác xã, 01 hợp đồng cung ứng đầu vào, 01 hợp đồng tiêu thụ và hồ sơ xây dựng thương hiệu kén tầm Nghĩa Giang.		hiệp Hợp tác xã Dầu Tầm Tơ và Du lịch Sinh thái Việt Nam - E&CVN; HTX Nông Lâm Nghiệp Chuyển Đổi Xanh Đình Cương; Khoa Nông Lâm Ngư - Trường Đại học Nghệ An và các cơ quan, đơn vị liên quan			
14	Hoàn thiện và triển khai Dự án Chuỗi liên kết Dầu - Tầm - Tơ, gồm vùng dầu, nhóm hộ trồng dầu nuôi tầm, cung ứng giống - kỹ thuật, Trung tâm Tầm con, thu mua kén, truy xuất và tiêu thụ. Trước mắt tổ chức vùng dầu khoảng 10 ha sau khi được cho thuê, bàn giao đất và đủ điều kiện. Kết quả đầu ra: 01 dự án được thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền; Vùng nguyên liệu có mã hộ, mã lô; Hợp đồng liên kết; Trung tâm Tầm con quy mô, công suất theo dự án được duyệt.	UBND xã Đình Cương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Khoa Nông Lâm Ngư - Trường Đại học Nghệ An và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026 - 2027	Giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến 2035	
15	Hoàn thiện và triển khai Dự án Chuỗi liên kết Tre - Măng Tre, gồm tre lấy thân, tre lấy măng, bảo vệ đất, quản lý vùng nguyên liệu, thu mua và tiêu thụ. Ưu tiên diện tích đã được cho thuê, bàn giao, đủ điều kiện; Khu vực ven sông Vệ và điểm xung yếu chỉ bố trí sau khi rà soát hành lang bảo vệ nguồn nước,	UBND xã Đình Cương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Khoa Nông Lâm Ngư - Trường Đại học Nghệ An; Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	Năm 2026 - 2027	Giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến 2035	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	thoát lũ, xói lở và thiên tai. Kết quả đầu ra: 01 dự án được thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền; Vùng tre có mã vùng, mã lô; Quy trình kỹ thuật, phòng cháy và hợp đồng liên kết.					